|  |  |
| --- | --- |
| **Khối 12** | **ĐỀ 8.docx - Copy**  **Lịch sử**  *Thời gian làm bài: Không giới hạn*  *-------------------------* |

**Họ tên thí sinh: .................................................................**

**Số báo danh: ......................................................................**

**Câu 1.** Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Việt Nam đứng trước những khó khăn nào?

**A.** Quân Đồng minh vào nước ta để giải giáp quân đội Nhật.

**B.** Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, tài chính trống rỗng.

**C.** Ngoại xâm, nội phản, giặc đói, giặc dốt, khó khăn về tài chính.

**D.** Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

**Câu 2.** Nét nổi bật của tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 là

**A.** bị các nước đế quốc bao vây và cấm vận.

**B.** ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

**C.** được các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ.

**D.** đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh.

**Câu 3.** Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Việt Nam phải đối phó với các thế lực ngoại xâm nào?

**A.** 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc, 1 vạn quân Anh.

**B.** 6 vạn quân Nhật, 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc.

**C.** quân Anh, Pháp, Nhật và Trung Hoa dân quốc.

**D.** quân Anh, Pháp, Nhật, Mĩ và Trung Hoa dân quốc.

**Câu 4.** Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, trong đó nguy hiểm nhất là

**A.** chính quyền cách mạng còn non trẻ.  **B.** nạn đói đe doạ đời sống nhân dân.

**C.** lực lượng vũ trang còn non yếu.  **D.** ngoại xâm và nội phản phá hoại.

**Câu 5.** Các thế lực ngoại xâm và nội phản gây khó khăn đối với Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 nhằm mục đích

**A.** giúp Pháp trở lại xâm lược Việt Nam.  **B.** bảo vệ chính quyền Trần Trọng Kim.

**C.** mở đường cho Mĩ xâm lược Việt Nam.  **D.** chống phá chính quyền cách mạng.

**Câu 6.** Sách lược đấu tranh chống ngoại xâm của Việt Nam sau cách mạng tháng Tám 1945 là

**A.** Hoà hoãn với các lực lượng ngoại xâm.

**B.** Tránh trường hợp cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

**C.** Tổ chức kháng chiến ở hai miền Nam, Bắc.

**D.** Tập trung lực lượng đối phó với quân Trung hoa dân quốc.

**Câu 7.** Chủ trương của Việt Nam đối với quân Trung Hoa dân quốc sau Cách mạng tháng Tám 1945 là

**A.** tạm thời hoà hoãn, tránh xung đột.

**B.** kiên quyết đấu tranh đuổi chúng về nước.

**C.** đàm phán để đi đến một thoả thuận ngừng bắn

**D.** đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.

**Câu 8.** Chủ trương của Việt Nam đối với quân Pháp từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946 là

**A.** hoà với Pháp, tránh xung đột  **B.** kháng chiến chống Pháp xâm lược.

**C.** vừa đánh vừa đàm phán với Pháp  **D.** đàm phán đề đi đến thoả thuận ngừng bắn.

**Câu 9.** Năm 1946, Việt Nam thay đổi chủ trương từ đánh Pháp sang hoà hoãn với Pháp vì

**A.** Quân Pháp đã từ bỏ âm mưu xâm lược Việt Nam.

**B.** Thực dân Pháp đã thỏa hiệp với Quân Trung Hoa dân quốc.

**C.** Thực dân Pháp đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Nam bộ.

**D.** Pháp không phải là kẻ thù nguy hiểm của cách mạng Việt Nam.

**Câu 10.** Việt Nam thay đổi chủ trương từ đánh Pháp sang hoà hoãn với Pháp nhằm

**A.** đuổi 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc về nước.

**B.** buộc Pháp ngừng hành động xâm lược Việt Nam.

**C.** buộc Pháp phải rút quân đội về nước.

**D.** buộc Pháp công nhận độc lập của Việt Nam.

**Câu 11.** Sau Hiệp định Sơ bộ, Việt Nam tiếp tục kí với Pháp Tạm ước 14-9-1946 vì muốn

**A.** có thêm thời gian hoà bình chuẩn bị cho cuộc kháng chiến sau này.

**B.** có thêm một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

**C.** rút ngắn thời gian quân Pháp có mặt ở nước ta.

**D.** giảm bớt những thiệt hại về người và của do chiến tranh đem lại.

**Câu 12.** Vì sao sau Cách mạng tháng Tám 1945, Việt Nam chủ trương hoà hoãn với Trung Hoa dân quốc ở miền Bắc?

**A.** Lực lượng của ta còn yếu cần thêm thời gian để củng cố.

**B.** Chính quyền của ta còn non trẻ cần thời gian để xây dựng và mở rộng.

**C.** Tránh cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù: quân Anh, Pháp, Nhật và bọn tay sai.

**D.** Tránh cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, tập trung lực lượng đánh Pháp ở miền Nam.

**Câu 13.** Nội dung nào sau đây **không** phải là những biện pháp của Việt Nam đối với Trung Hoa dân quốc và bọn tay sai từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946?

**A.** Cung cấp một phần lương thực thực phẩm và nhận tiêu tiền của chúng.

**B.** Nhượng cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử.

**C.** Kiên quyết vạch trần những hành động chống phá cách mạng của chúng

**D.** Dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi chúng về nước.

**Câu 14.** Những biện pháp đấu tranh của Việt Nam đố với Trung Hoa dân quốc và tay sai có tác dụng như thế nào?

**A.** Củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ của ta.

**B.** Nhân dân ta tin tưởng vào đường lối đấu tranh đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

**C.** Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

**D.** đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc về nước.

**Câu 15.** Vì sao Việt Nam kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946?

**A.** Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi khi phải chống nhiều kẻ thù cùng một lúc.

**B.** Tập trung lực lượng đánh Trung Hoa dân quốc ở phía Bắc.

**C.** Lực lượng của ta còn non yếu trong khi lực lượng của Pháp quá mạnh.

**D.** Tranh thủ mâu thuẫn giữa Trung Hoa dân quốc với thực dân Pháp.

**Câu 16.** Ngày 6-1-1946 gắn liền với sự kiện lịch sử nào ở Việt Nam?

**A.** Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được công bố.

**B.** Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước được tiến hành.

**C.** Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam được thành lập.

**D.** Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ.

**Câu 17.** Tình hình tài chính Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 như thế nào?

**A.** Hoàn toàn lệ thuộc vào Nhật – Pháp.  **B.** Trống rỗng và rối loạn.

**C.** Bước đầu được xây dựng.  **D.** Ổn định và phát triển.

**Câu 18.** Biện pháp hàng đầu có tính chất lâu dài được chính phủ cách mạng đưa ra để giải quyết căn bản nạn đói là

**A.** Giảm tô 25%.  **B.** Chống đầu cơ tích trữ gạo.

**C.** Điều hòa thóc gạo.  **D.** Tăng gia sản xuất.

**Câu 19.** Sách lược đấu tranh chống ngoại xâm của Việt Nam trong năm đầu sau cách mạng Tám 1945 chứng tỏ

**A.** nhân dân Việt Nam đã phát huy được những thắng lợi, khắc phục khó khăn.

**B.** truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam đã được phát huy cao độ.

**C.** đường lối sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc vừa mềm dẽo về sách lược của Đảng.

**D.** Âm mưu xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp đã bị thất bại hoàn toàn.

**Câu 20.** Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, thực dân Pháp đã

**A.** nghiêm chỉnh thực hiện theo tinh thần các văn kiện đã kí kết.

**B.** rút quân về nước, không tiếp tục tham chiến ở Việt Nam

**C.** đẩy mạnh việc chuẩn bị xâm lược Việt Nam một lần nữa.

**D.** buộc ta kí tiếp tục kí kết những văn kiện nhân nhượng khác.

**Câu 21.** Hành động nào của thực dân Pháp buộc nhân dân Việt Nam chỉ có thể cầm vũ khí chiến đấu?

**A.** Khiêu khích, tiến công Việt Nam ở Hải Phòng, Lạng Sơn.

**B.** Chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, Hà Nội.

**C.** Gửi tối hậu thư đòi Việt Nam giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu.

**D.** Tiến đánh các vùng tự do của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

**Câu 22.** Nội dung Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam được thể hiện trong những văn kiện nào?

**A.** Chỉ thị toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Tác phẩm “Đường Kách mệnh”.

**B.** Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chỉ thị toàn dân kháng chiến, Bản án chế độ thực dân Pháp.

**C.** Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi, Chỉ thị toàn dân kháng chiến, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

**D.** Chỉ thị phải “ phá tan cuộc hành quân mùa đông của của giặc Pháp”, Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.

**Câu 23.** Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu- đông 1947 nhằm mục đích

**A.** tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**B.** buộc Việt Nam phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.

**C.** khóa chặt biên giới Việt- Trung chặn nguồn liên lạc của Việt Nam với thế giới.

**D.** giành thắng lợi về quân sự quyết định để đàm phán rút quân về nước trong danh dự.

**Câu 24.** Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

**A.** chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội chủ lực Việt Nam.

**B.** cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.

**C.** chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.

**D.** buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài.

**Câu 25.** Với kế hoạch Rơ-ve, Mĩ đã

**A.** không dính líu vào chiến tranh Đông Dương.

**B.** bắt đầu can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

**C.** bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.

**D.** hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.

**Câu 26.** Một trong những nội dung của kế hoạch Rơve là

**A.** tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4.

**B.** đánh phá hậu phương của Việt Nam bằng biệt kích, thổ phỉ.

**C.** tập trung binh lực, xây dựng các đội quân cơ động chiến lược.

**D.** thực hiện tiến công chiến lược ở miền Trung và Nam Đông Dương.

**Câu 27.** Theo kế hoạch Rơve, thực dân Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 nhằm mục đích gì?

**A.** Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với liên khu III, IV.

**B.** Ngăn chặn sự liên lạc của Việt Nam với thế giới.

**C.** Củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.

**D.** Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.

**Câu 28.** Viêt Nam mở chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 nhằm

**A.** bảo vệ thủ đô Hà Nội và căn cứ địa Việt Bắc.

**B.** khai thông biên giới Việt Trung và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

**C.** phá tan cuộc hành quân mùa đông của giặc Pháp.

**D.** đánh tan quân Pháp, buộc họ chấm dứt chiến tranh xâm lược.

**Câu 29.** Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên giới thu- đông năm 1950 là

**A.** chứng tỏ quân đội chủ lực Việt Nam đã trưởng thành.

**B.** là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của Việt Nam giành thắng lợi.

**C.** chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

**D.** quân ta giành được quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

**Câu 30.** Âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của Pháp ở Việt Nam bị thất bại hoàn toàn bởi

**A.** Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947.  **B.** Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.

**C.** Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.  **D.** Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 31.** Chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

**A.** Chiến dịch Thượng Lào năm 1954.  **B.** Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.

**C.** Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950.  **D.** Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 32.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập ở Việt Nam một Đảng riêng với tên gọi

**A.** Đảng Cộng sản Việt Nam.  **B.** Đảng Lao động Việt Nam.

**C.** Đảng Dân chủ Việt Nam.  **D.** Đảng Quốc dân Việt Nam.

**Câu 33.** Năm 1950, Mĩ kí với Pháp “Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương” đã chứng tỏ

**A.** Mĩ muốn ngăn chặn cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

**B.** Mĩ muốn giúp đỡ cho Pháp tăng cường khả năng chiến đấu.

**C.** Mĩ cùng với Pháp cùng cai trị nhân dân Đông Dương.

**D.** Mĩ can thiệp sâu và từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

**Câu 34.** Ảnh hưởng của kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam như thế nào?

**A.** Căn cứ địa Việt Bắc bị bao vây, cô lập.  **B.** Lực lượng kháng chiến bị tổn thất nặng.

**C.** Quân ta bị rơi vào thế bị động  **D.** Vùng sau lưng địch gặp khó khăn.

**Câu 35.** Kế hoạch Nava ra đời trong bối cảnh lịch sử nào?

**A.** Mĩ chính thức tham chiến vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

**B.** Pháp gặp nhiều khó khăn, tổn thất ở chiến trường Đông Dương.

**C.** Chi phí cho cuộc chiến tranh của người Pháp ở Đông Dương tăng nhanh.

**D.** Pháp không đủ sức tiếp tục kéo dài cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

**Câu 36.** Mục tiêu chính của Pháp khi thực hiện kế hoạch Nava là

**A.** tiêu diệt cơ quan đầu não và bộ đội chủ lực của Việt Nam.

**B.** cô lập và chuẩn bị tấn công căn cứ địa Việt Bắc.

**C.** khoá chặt đường liên lạc của Việt Nam với bên ngoài.

**D.** kết thúc chiến tranh trong danh dự.

**Câu 37.** Khi mới ra đời, kế hoạch Nava của Pháp đã chứa đựng yếu tố thất bại vì

**A.** Pháp ngày càng lệ thuộc vào sự viện trợ của Mĩ.

**B.** quân Pháp gặp nhiều khó khăn, tinh thần chiến đấu giảm sút.

**C.** quân Pháp ngày càng lâm vào tình thế bị động trên chiến trường.

**D.** tồn tại mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng.

**Câu 38.** Với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, Việt Nam đã buộc Pháp phân tán lực lượng ra những nơi nào?

**A.** Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông phabang - Mường Sài và Play-ku.

**B.** Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Play-ku, Luông phabang - Mường Sài và Kon-tum.

**C.** Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông phabang và Play-ku.

**D.** Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Đắc Lắc, Luông phabang - Mường Sài và Play-ku.

**Câu 39.** Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 kết thúc thắng lợi có ý nghĩa như thế nào?

**A.** Đập tan ý chí xâm lược của quân Pháp.

**B.** Làm lung lay tinh thần chiến đấu của quân Pháp.

**C.** Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava.

**D.** Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

**Câu 40.** Âm mưu của Pháp-Mĩ khi xây dựng tâp đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là

**A.** thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Nam.

**B.** bảo vệ vùng Tây Bắc – Thượng Lào.

**C.** giành lại thế chủ động tại rừng núi Tây Bắc

**D.** ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Nam với Lào